

ĐÔNG-XUYÊN

ĐÔNG-XUYÊN tên thật là Nguyễn gia Trự, sinh ngày 30 tháng 10 năm Bình-ngọ (tức ngày 15 tháng 10 năm 1906) tại làng Đông-ngạc, phủ Hoài-dức, tỉnh Hải-dong (Bắc-phần).

Dòng dõi nhà Nho, thuở nhỏ ông học Hán-văn; năm 16 tuổi mới chuyển sang học quốc-ngữ và Pháp-văn đến năm thứ ba Trung-học phổ thông.

Năm 1927, ông xuống Hải-phòng, vừa đi làm sở tư vừa học thêm.

Năm 1929, ông thi đậu thư ký Thương-chính (Quan-thuế) ở Hải-phòng, bắt đầu cuộc đời công chức.

Năm 1931, ông được chuyển chuyển đi Bạch-hạc, rồi sau đây dời về Hà-nội.

Năm 1954, sau khi ký kết Hiệp-định Genève, ông di cư vào Nam.

Bước chân vào làng thơ tiên chiến với thi bản Buổi chiều sang dò và Thăm chùa Bè đăng trên An - nam tạp chí, ông đã được thi bá Tân - Đà tán thưởng nồng nhiệt trong mục Thi đàn giảng tập (An - nam tạp chí số 13, 14 năm 1930).

Ông bắt đầu làm thơ từ năm 19 tuổi (1925), mê mải tìm học luật thơ trên Nam phong tạp chí. Sáng tác phẩm

đầu tay là Cúc sơn thi tập ; nó bị chết non¹ khi làm được vài chục bài, nhân lúc ông đi chơi vắng, để tập thơ trong phòng sách, thân phụ ông bắt gặp. Lúc về, hỏi Cúc sơn thi tập của ai ? ông phải thú nhận là của mình. Thân phụ ông bảo đem đốt, vì thất niệm, thất luật nhiều quá. Song cũng được phụ thân an ủi : « Nhưng cũng nhiều câu có hồn thơ. Như bài Nhà nghèo có câu :

Khoanh tay ngồi đó, tiền ai biếu ?

Thò mặt đi đâu, nợ nó đòi ! »

Câu khen tặng của lệnh nghiêm, ông coi đó như tia sáng loé lên ở chân trời thi ca. Sau này tác phẩm của ông đã đăng trên các báo : An-nam tạp chí, Nam phong, Phụ nữ tân văn, Văn học tập san, Bách khoa, Sinh lực, Văn đàn, Phổ thông, Bưu điện thông tin, Văn hóa nguyệt san và Quan thuế nguyệt san.

Thi phẩm đã xuất bản :

— *Mây văn thơ* (xuất bản năm 1930)

— *Thuyền thơ* (tập thi tuyển do nhà Nguyễn hiến Lê Sài-gòn xuất bản ngày 25-7-1958 gồm 54 bài thơ sáng tác và 13 bài dịch thơ chữ Hán. Tập thơ này trước kia ông định đề tên là Thần phong (Gió sớm) vì ông thường làm thơ vào buổi sớm, sau nghĩ nó có vẻ Tàu hay Nhật nên đổi lại là Thuyền thơ.)

— *Gió nồm* (in ronéo khoảng 100 bản để tặng thân hữu, gồm đa số thơ thất ngôn Đường luật và một số thơ dịch).

Ngoài thơ, Đông-Xuyên đã dịch gần bốn mươi truyện Liêu-trai.

TỪ lúc có sự âm thầm sôi động để khơi ngòi cho cuộc cách mạng thi ca, có một tiếng thơ bắt đầu réo rắt trên An-nam tạp chí và nhận được sự tán thưởng : đó là tiếng thơ của Đông-Xuyên.

Thế mà ! Đông-Xuyên ! Một cái tên, khách yêu thơ cơ hồ quên lãng vì mãi mê theo nhịp điệu tân kỳ khi cao trào thơ mới ăm ỉ dấy động ba đào ngoài biển khơi. Đó là tại cái tâm lý người đời hay mới chuộng cũ vong. Chứ thật ra lúc bấy giờ những điệu như cổ phong (một hình thức thơ mới ngày nay), lục bát, gián thất, Đường thi chưa đến nổi là một môn hàng thời rứa để cho ta khai tử ; bằng chứng là mãi ngày nay thể thơ lục bát *Kiều*, gián thất *Cung oán ngâm khúc*, *Chinh phụ ngâm* v.v... vẫn là những ánh được rực rỡ trong văn học nước nhà.

Rộng rãi hơn một Quách Tấn đã bó mình trong thể điệu buồn tênh thất ngôn bát cú, Đông-Xuyên nắm giữ được bốn chìa khóa để mở cửa lâu thơ ; và từ đây ta thấy một con người say mê nghề thuật, tận tụy với năng Thơ suốt bốn mùa tám tiết không bao giờ xao nhãng. Nó đã trở thành một lẽ sống.

Tuy vương phải cái cũ kỹ, nhưng Đông-Xuyên lại là một tâm hồn mới ; cái tính chất lãng mạn của người thơ trong mối tình chớm nở đã thăm kín yêu một cô gái bán sách ở phố Bonnal là nguyên động lực thúc đẩy mạnh việc sáng tác. Tình yêu âm ỉ nung nấu ấy đã đẻ ra hai thi bản *Buổi chiều sang đò* và *Thăm chùa Bé* và đã được chiếc vòng hoa danh dự kết bằng những lời khen do thi bá Tân-Đà trao tặng, khiến thi nhân vui điên lên khi người yêu cầm tập tạp chí chỉ cho biết : « *Này ! Ông Tân-Đà khen thơ ông đây này !* »

Một lời khen tặng của bậc thầy, một sự lưu tâm của người yêu đã vạch toạc cả tâm tình ; thi nhân không còn che đậy niềm vui : « *Tôi cảm động và sung sướng biết ngần nào !!!* » Nó giá trị còn gấp trăm liều thuốc hồi sinh, vì đã gây được lòng hăng hái cho Đông-Xuyên tiến sâu vào đường nghệ thuật. Thi nhân cho biết, đây là thời kỳ lãng mạn và

đẹp nhất trong đời thơ mình. Sau đấy, vì công vụ phải dời đi xa. Rồi, một tin sét đánh : người yêu qua đời ! Trong phút chốc, cõi trần hoàn này bỗng đứng như chừa đứng một con người đang từ một trạng thái vui cực độ, biến sang một thái cực ảo não ; một linh hồn dật dờ, ngây dại đang quì đốt nén hương nguyên khóc cho một mối tình chết. Một ánh sao băng ! Một nguồn thơ bị cạn !

Chúng ta ngày nay nhiều người không được đọc thi phẩm đầu tay *Mây vẫn thơ* của Đông-Xuyên (xin đừng lầm lẫn *Mây vẫn thơ* của *Thế-Lữ*) xem cái tình « lãng mạn và đẹp nhất » của thi nhân đã ghi lại trong văn thơ đến mức độ nào ?

Đường đời của thi nhân, tiếp đây là những năm khối lưa tơi bời trên đất Việt. Vừa khóc cho tình chết, lại xúc động thêm khi giải quẻ hương bị đau thương loang lổ vì bom đạn tàn phá. Trong mùa tao loạn, chúng tôi thấy tiếng thơ của Đông-Xuyên nổi bật hơn lúc nào hết. Những bài như *Thuyền thơ*, *Hạt cát sông Thao*, *Ta và non nước*, *Đêm sao dom r.* v.v. đều sáng tác trong thời kỳ tao loạn. Nó là tiếng lòng của thi nhân, đánh dấu cho sự chuyển hương thơ, nội dung gọi lên nỗi niềm đau xót của người con đất nước trong mùa binh biến. Cho dù tiếng thơ không ghi lại được hành động tích cực đối với quốc gia, nhưng ta vẫn thấy cái sĩ khí của con người bất khuất. Một sự uất tức đang sôi sục tâm can đã khiến trào ra những dòng thơ như giải bày tâm sự :

Ở tuổi trẻ ! tìm đâu tuổi trẻ ?

Mà tài hoa, mấy tí tài hoa !

Gương tròn mốc tủi soi ta,

Chưa già, ta thấy ta già hôm nay !

Người mảnh khảnh : thân gầy, sức yếu,

Phận còn con : học thiếu, tài sơ,

Giờ đây, Tò quốc mong chờ...

Xa xăm tiếng gọi, tiếng thưa vắng mình !

Nếu không đóng góp được tích cực thì tiêu cực vậy :

Mây còn chút Cao Xanh soi xét,

Là thân này, một chiếc thuyền không,

Sạch trong tự trước theo dòng,
Báo đền Tò-quốc, non sông họa là !

Lòng ta thế, tiền nhân có thấu,
Núi Hùng cao, muốn tâu vua Hùng,
Sông Thao thăm thăm một dòng,
Chiều thu mây nước lạnh lòng hiền ta ! !

Một chiếc thuyền không bênh bồng trên sóng đời mà không chơ tí của cái riêng tư gì cả. Lòng thi nhân thấy sạch lã lã.

Chúng tôi yêu những văn thơ chạy loạn của Đông-Xuyên; ở đây, nỗi lòng được học lộ, ý tứ chân thành, lời thơ dễ rung động.

Cũng nên nhắc, sau cái chết của mối tình đầu, hồn thơ hấn loạn ; thêm nỗi nước nhà đảo điên, lòng thi nhân hoang mang như kẻ bơ vơ lạc lõng giữa ngã ba đường đời. Thế mà, trên bước đường tình, « trời lại dun rui » (lời của Đông-Xuyên) cho thi nhân gặp gỡ duyên lành mà giai nhân đã trở thành nguồn thi hứng mới, một mẫu người điển hình cho thi nhân ký thác niềm tâm sự. Những thi bản của Đông-Xuyên chúng tôi lưu tâm như trên là những bài được tình nước non trong giai đoạn Việt-nam miền yếu của chúng ta đang giãy giụa trong tiếng gầm thét và tiếng lưỡi hái đang quơ vùn vụt của *Tiên Chiến-tranh*. Ta hãy nghe đôi tiếng lòng thiết tha của Đông-Xuyên :

Mưa tầm tã, gió ào ào,

Non sông mưa gió, xiết bao động lòng !

hay :

Mưa mưa, gió gió mặt mừng,

Bao giờ trời đẹp, nước trong, hỡi trời ?

Và buồn tủi phận mình :

Trót sinh ra chẳng cây và đá,

Biết góp gì cho nước với đời ?

Rồi chiến cuộc tạm ngưng, năm 1954, Đông-Xuyên di cư vào Nam. Trong đôi năm, cuộc sống đã ổn định, thi nhân hướng vọng về nàng Thơ. Lục soát, bới tìm, góp nhặt

mạch thơ đã rải rác giữa thời gian qua, đúc kết nên tập *Thuyền thơ*. Khi quyết định cho ra đời thi phẩm thứ hai này, Đông-Xuyên ngần ngại, đắn đo, thăm dò mãi ý kiến từ Nguyễn hiến Lê đến Giản-Chi, vì sợ thơ mình cũ đối với thế hệ thơ mới ngày nay.

Chúng tôi đã lấy làm cảm thương cho một người đã cùng cung với nàng Thơ mà vẫn nơm nớp lo sợ không thỏa mãn được khách yêu thơ. *Thuyền thơ* xuất hiện dưới mắt các bạn là tất cả một sự cố gắng lớn lao của người thơ và được sự nung chí của bạn hữu.

Khi thi nhân hỏi : « *Thơ tôi có sợ cũ không anh ?* »

Ông Giản-Chi đáp : « *Vấn đề chính có lẽ vẫn là « hay, hay không hay », chứ không phải « cũ, hay không cũ ». Truyền được nghệ cảm làm cho người thưởng thức rung động cái rung động của người sáng tác, đó là thành công của nghệ thuật, can gì quá đời bạn khán cũ hay là mới ? Và chẳng anh còn nhớ câu chuyện thi ca mới cũ đề cập trong bài « Cựu binh trang tân tửu » của Lỗ Tấn đây thôi. Cứ gì văn gieo trồng lệch so le mới là tiến bộ ; khó hiểu, hợm hĩnh vẫn không đồng nghĩa với độc đáo, tân kỳ. Lý trường Cát, Mallarmé lừng danh không phải chỉ vì khó hiểu ; Văn nhất Đa, Eluard tân kỳ không phải chỉ vì tự do. »*

Khảo sát *Thuyền thơ* chúng tôi bắt gặp có những chỗ đọc thích thú vì ý tưởng tân kỳ, lời thơ dễ mến. Nếu một Thế-Lữ với câu đã trở thành dấu môi của mọi người :

Anh đi đường anh, tôi đường tôi,

Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.

(Giây phút chạnh lòng — Thế-Lữ)

để chỉ một cái gì bắt đầu phân hóa.

Hoặc diễn tả bước cùng đồ mạt lộ, nỗi bi thảm tuyệt vọng, một dấu ngoặc chấm dứt thời đại rực rỡ, huy hoàng :

Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu !

(Hồ nhớ rừng — Thế-Lữ)

thì Đông-Xuyên cũng có câu :

Nước mà trong quá, cá không yêu.

(Than mình)

Ta thấy ý tưởng cao xa ; tâm tác dụng rộng lớn.

Bài Đố là một đề tài xã hội, nhận xét tế nhị, ý thơ ngộ nghĩnh, trung thực, cảnh huống tỏ ra chiều đau thương.

Ngoài ra, hồn thơ của Đông-Xuyên còn bằng bạc trong nhiều khía cạnh ; ta phải kể thứ là tình bạn, tôi muốn nói bạn thơ. Chỉ có những tâm hồn giao cảm nhau mới có sự gần bó trong tình bằng hữu ; mà Đông-Xuyên thì tỏ ra trân trọng với tình bạn thiêng liêng lắm. Mới chỉ đôi ngày xa vắng mà đã nhớ nhung :

Nhớ Lương-sơn

Lữ bữa anh về Xuôi,

Âm thầm tôi với tôi,

Tình đời ngầy mặt nước,

Tin bạn ngóng chân trời...

Trà sớm thơ ngậm lạnh,

Đèn khuya râu mọc dài.

Súng rền, năm sắp hết,

Sông núi rộn lòng ai ! !

(*Thuyền thơ*)

Cuộc đời của Đông-Xuyên đậm bạc lắm. Đã không chạy theo bã cơm áo mà còn tỏ ra chán ghét phường nịnh bợ, luồn cúi. Đối với hạng người này, Đông-Xuyên đã dành cho họ đôi vần sáng tác :

Cười

« Nó » chửi cho mà « nó » vẫn im,

Nó im chưa đủ, lại cười thêm !

Những quân vong bản quên thì nhớ :

Này kiếp phù sinh nổi có chìm !

Giống vẹt cũng còn non tắc lưỡi,

Loài người đâu mất cả con tim ?

Thôi ai có trách chi tường ấy ?

Cơm trắng ngày ăn với chả chim !

(1943)

Và đây là giai thoại của các « ngài » khi thưởng thức *Thuyền thơ*. Các bạn hãy nghe Đông-Xuyên thuật :

« Thuyền sang mang cả bóng ô sang », đó là câu kết trong bài Buổi chiều sang đò của tôi và cũng là câu được thi sĩ Tân-Đà tán thưởng hơn cả. Ngày tôi làm việc ở sở Thương-chính Hải-phòng, có đọc cho một ông tham tá già nghe. Ông gật gù khen : Hay thật ! Đẹp thật ! Cái cảnh đi qua sông buổi chiều mà che ô thì đẹp thật !

« Tôi phát lạnh người ! Định cười mà không dám cười, vì cụ Tham đó, tuổi đáng bực phụ huynh mình ! »

« Bài Ta và non nước, ngày tôi còn ở hậu phương, có chép tay gửi cho tờ Nội san của Nha Quan-thuế đề dâng. Chữ « Ta », tôi có thói quen viết na ná chữ TQ. Một ông tham tá (cũng tham tá !) phụ trách tờ báo, một hôm gặp tôi, báo cáo : « Bài « Thuế quan và non nước » của bác, tôi đăng rồi đấy ! « Tôi hỏi : « Bài nào là Thuế quan và non nước ? Tôi có bài thơ ấy đâu ? »

« Sau cụ Tham cho biết : bài « TQ và Non nước » ấy mà !

« Tôi choáng cả người : Trời ơi ! chữ « Ta » tôi viết giống chữ TQ mà người ta nêu lên là « Thuế quan và non nước » !!



Thuyền thơ còn những chỗ đáng nói, nhưng chúng tôi không muốn giành riêng cho mình, mà đề các bạn tìm thích thú khi thưởng thức mấy vần thơ Đông-Xuyên trong phần Thi-tuyên.



Thi tuyên

Buổi chiều sang đò

Bên trời soi chếch bóng tà dương,
Giương mắt giang sơn, thú lạ như rừng.
Mây tỏa đầu non phơi ngọc thạch,
Sóng rờn mặt nước nổi kim cương.
Cánh diều gió bốc tầng không thăm,
Ngàn trúc sương phong tít dặm trường.
Trời đất kìa ai xoay chuyển lại ?
Thuyền sang mang cả bóng ô sang.

(1929)



Thăm chùa Bé

Mông mênh đồng rộng, gió đưa ngang,
Chùa Bé là đây, cảnh cổ hương.
Giậu đồ, cây trơ, chùa đứng trội,
Làng xa, sự vắng, bụi ngồi sưng.
Bia tàn nhăm nhờ rêu mờ đá,
Hoành cổ cheo leo chữ nhật vàng.
Lặng lặng ngồi nghe con cuốc gọi,
Bực mình muốn rửa cái tang thương.

(1929)



Mừng lễ Quốc-Bính

Ba gái, bây giờ lại một trai,
Ồ ! Ta làm bố bốn con rồi !
Lương Tây trội được ba đồng bạc,
Nước Việt tăng lên một xuất người !
Hạnh phúc xây nền theo lối cũ,
Nhân tài góp mặt ước ngày mai...
Mặc ai tiền vận, ai quan lớn,
Một cậu cu này gấp mấy mươi !!

(1938)



Gửi Phạm gia Phong

Hà-giang-Hà-nội có bao xa.
 Từ bữa anh đi, nhớ nhớ là....
 Trắng lặn, ngồi sông ôm ấm nước,
 Đèn chong, nằm mồm đếm canh gà.
 Nào đâu Gia-Quất cung đàn nguyệt ?
 Còn nữa Hàng Vôi bát cháo hoa ?
 Nhớ đã cố quên, quên lại nhớ.
 Đăm đìa cày tảo hạt mưa sa... !!
 (1942)



Gửi Liên-giang

Bạn đã năm mươi, tôi bốn mươi,
 Đôi ta, tuổi tác ngót trăm rồi.
 Trót sinh ra chẳng cây và đá,
 Biết góp gì cho nước với đời ?
 Một bóng ve gầy mơ trước án...
 Từng cơn gió lốc cuốn ngoài khơi !
 Ngăm câu thơ bạn, bắn khoăn lăm,
 Đèn cạn đêm dài... đáy đĩa xôi !!
 (1945)



Thu buồn

Thu trước Tây về, việc ngõ xang;
 Thu nay là thế, ới Tiên Rồng !
 Bay đâu lẻ tẻ con cò bạch ?
 Gieo mãi bắn khoăn chiếc lá hồng !
 Hơi gió thì thảo muôn dặm thâm,
 Lòng ai man mác một trời không !
 Bao giờ ? lại đến bao giờ nữa ?
 Xanh ngắt trời xanh, giải nước trong !!
 (1946)



Những ngày luôn lạc

Lần hồi sớm sớm lại hôm hôm,
 Một vợ không tiền, một đồng con.
 Mạnh áo vải nâu, nôi bắp luộc,
 Ngồi đèn dầu lạc, cuốn thơ nôm.

Bốn bề lạnh lạnh rừng xanh ngắt,
 Từng khúc nao nao nước đỏ lờm.
 Ai chốn tao đàn, xa thấy chửa ?
 Nửa năm trời ấy, béo hay còm ??
 (1917)



Thuyền thơ

Chiều xuân dịu, vàng vàng ánh nắng,
 Nước xuân đầy, trắng trắng làn sông,
 Thuyền ai biệt bến sông Hồng,
 Một người thơ thả trên sông tiễn thuyền.
 Mặt trời đỉnh núi nghiêng nghiêng,
 Gió lên, sóng rợn, con thuyền như say,
 Thuyền đi đâu thế, hôm nay ?
 Thuyền say vì nước, ta ngây vì thuyền !
 Thuyền đi nhé ! vào miền mây nước,
 Hồn thơ ta hẹn ước cùng đi,
 Nước mây tự trước đi về,
 Lạ gì trôi giạt ? Lạ gì lênh đênh ?
 Thuyền ơi ! Cùng kiếp phù sinh,
 Cái phiêu lưu, cái bồng bềnh, giống nhau,
 Phiêu lưu là biết về đâu ?
 Bồng bềnh, trót với Cao Sơn hẹn hò !
 Thuyền đi nhé ! Tiền đồ đẹp lắm,
 Vào mệnh mông mà tám phong quang !
 Hương rừng, gió thốc đẩy xoang,
 Ráng chiều, bóng rọi huy hoàng trên sông !
 Giờ, được lúc sông trong, trời tốt,
 Thuyền đi... đi... mai một lại về,
 Hồn thơ ta, chờ khi đi,
 Tình thơ, thuyền đến hôm về, nặng thêm !!



Thoi thóp bóng, đàn chim về núi,
 Dòng sông xa... trôi rồi thuyền xa...
 Thuyền xa, lùi thui lại nhà,
 « Người thơ » đến ngộ « người hoa » dưới thuyền.
 (1918)



Hạt cát sông Thao

Mây một sắc, đen ngòm núi Nà,
Sóng từng cồn, trắng xóa sông Thao,
Mưa tầm tã, gió ào ào,
Non sông mưa gió, xiết bao động lòng !



Một hạt cát nằm trong đáy nước,
Nhìn Cao Sơn xuôi ngược thần thơ...
Mưa mưa, gió gió, mịt mờ,
Bao giờ trời đẹp, bao giờ nước trong ?
Nước vẩn quẩn ! Trời không thấy cát,
Và biết đâu những hạt cổ vàng ?
Hằng hà sa số muôn ngàn..
Theo chiều lặn lốc... theo làn phiêu lưu...
Gió có gió, hiu hiu tí nhé !
Mưa thì mưa, mưa khê lặn tẩn !
Cho sông, nước đục trong dần,
Cho lòng cát to với tảng Cao Xanh !
Giờ tinh khiết một mình mình biết,
Hạt cát vàng nằm nép lòng sông,
Mưa mưa, gió gió mịt mùng,
Bao giờ trời đẹp, nước trong, hời trời ?



Mây tiếp tục kéo dài... lên núi,
Gió càng to, sóng nổi càng cao,
Mưa tầm tã, gió ào ào,
Non sông mưa gió, xiết bao động lòng...!
(1948)



Than mình

Tân khổ từ xưa nếm đã nhiều,
Chuyện này, tân khổ gặp bao nhiêu !
Nhà xa, nước loạn, mình thêm yếu,
Mẹ lẫn, con thơ, vợ khó chiều !
Hoa có đẹp chẳng ? xuân đã muộn,
Nước mà trong quá, cá không vêu !
Trăm năm tính sổ còn chi nhĩ ?
Liêm khiết đời sau họa chút nêu !
(1956)



Ta và non nước

Chòm Hùng-linh, mây phơ về gấm,
Làn Thao-giang, sóng chầm vẩy rồng.
Chiều nay sông núi lạnh lùng,
Gió thu thổi mạnh, cõi lòng nao nao !



Núi ai đắp, núi cao chót vót ?
Sông ai đào, sâu hút lòng sông ?
Và ai diêm lục, tó hống ?
— Từ xưa công đức cha ông bốn nghìn !
Giờ, lữ thứ lặng nhìn mây nước,
Sực nhớ lời thệ ước non sông.
Ồ ! Ta cũng giống Tiên Rồng,
Có ta nhường cũng như không, bờ hàng !
Nặng qua cửa, nghìn vàng mặt kính,
Hoa rụng thêm, mây cánh đầu thu,
Thời gian không cánh bay vù...
Đầu ta chừng cũng sương thu nhuốm đầu !
Ỗi tuổi trẻ ! tìm đâu tuổi trẻ ?
Mà tài hoa, mấy tí tài hoa !
Gương tròn mốc túi soi ta,
Chưa già, ta thấy ta già hôm nay !
Người mảnh khảnh : thân gầy, sức vêu,
Phận con con : học thiếu, tài sơ,
Giờ đây, Tò-Quốc mong chờ...
Xa xầm tiếng gọi, tiếng thưa vắng mình !
May còn chút Cao Xanh soi xét,
Là thân này, một chiếc thuyền không,
Sạch trong tự trước theo dòng,
Báo đến Tò-Quốc, non sông họa là !
Trời đâu có phong-ba mấy nữa,
Chiếc thuyền không vẫn nó xưa nay,
Hoa rừng, gió thoảng, hương bay...
Thuyền không hứng lấy, thuyền đầy ị thơm !

Lòng ta thẽ, tiền-nhơn có thẫu,
 Núi Hùng cao, muôn tấu vua Hùng,
 Sông Thao thăm thăm một dòng,
 Chiều thu mây nước lạnh lòng hiều ta !
 (1948)



Đêm sao dóm

Đồng lúa chín lập lòe lửa dóm,
 Tàng không trong lổm dóm chùm sao,
 Bao la đất rộng trời cao,
 Diềm vàng không một khoảng nào là không !
 Nay ai thức mà trông : đẹp quá !
 Cái đêm nay là cả đêm vàng !
 Ngày vàng : nắng giãi chang chang,
 Lại đêm sao dóm, huy hoàng cả đêm !
 Rừng lặng lẽ, cây nếm cao vút,
 Hồ trong veo, mặt nước lạnh lùng,
 Hồ trong sao lộn mấy từng,
 Dóm bay lấp lánh lên rừng..., ngỡ sao !
 Ô hay ! tít trời cao có dóm,
 Cõi đất này lổm dóm sao nơi,
 Sao sao, dóm dóm tới bời,
 Huy hoàng trời đất, người chơi quên về !!
 Thơ, hứng đến, toan đề họ Lý,
 E chùm sao vì thế động lòng,
 Bắt con dóm dóm trong không,
 Bỏ vào chiếc túi hồng hồng có thơ.
 Ngọn gió thoảng, phất phơ cành trúc,
 Nhớ người xưa bình chúc, bật cười :
 Đêm vàng sao dóm không chơi,
 Chơi đêm đốt đuốc, cho đời mệt thêm !!
 Giờ, tắt cả động viên tác chiến,
 Việc Nước Non đã chiếm cả ngày,
 Huy hoàng trời đất đêm nay,
 Ngang tàng ai cấm lúc này chơi đêm ? !
 (1950)



Thơ, giấy

Nhịp chày rộn, đêm trăng già giấy,
 Ngọn đèn giông, bút máy viết thơ,
 Thơ bao đoạn..., giấy bao tờ...
 Ô thơ ! Ô giấy ! Lòng tơ bộn lòng !
 Ai già giấy, chong chong thức giấc ?
 Ta vì thơ, thức mắc thâu canh,
 Khêu đèn, hỏi ánh quang minh :
 Đêm nay có thẫu tâm tình cho nhau ?
 Từ bác mẹ chôn nhau, cắt rốn,
 Trời cho ta cái vốn con con.
 Lâng lâng, nầy chút thi hồn.
 Bao nhiêu năm... với Nước Non mộng dài...
 « Chuyện nhân thế, câu cười, tiếng khóc. »
 Bầu thiên nhiên, núi vóc, sông thêu,
 Tình tình, cảnh cảnh bao nhiêu,
 Hồn thơ gởi gắm ít nhiều có ta.
 Làng hàn-mặc, chưa già cán bút,
 Đài văn-minh, cao vút loài người,
 Có chi mà góp cho đời ?
 Lấy chi mà đáp những lời tri âm ?
 Trước án sách, tay rần bút máy,
 Xóm gà đưa... xướng giấy nhịp chày...
 Một đèn, một sách, đêm nay;
 Thơ này biết có lúc này bóng vắng ? ?
 Chày già giấy rộn ràng không dứt,
 Đêm thu dài, thao thức thêm dài,
 Giấy ai sản xuất cho đời,
 Thơ ta viết đấy cho người yêu thơ !!
 (Thanh-cù 1950)



Xuân nhàn

Một đình trầm hương tắt mới châm,
 Ngày xuân ngào ngạt gió đưa trầm.
 Phật nhìn ảnh đức Vô-lương niệm,
 Thơ đối chùm hoa bất-tử ngâm.
 Thế sự muốn vờ khuấy một phút,
 Thiều quang chín chục có bao lâm?
 Nàng Thơ hãy để ta nhàn tỵ,
 Ta đã bao xuân rồi ruột tam!!
 (1956)



Đẻ

Ai đến thăm nhà thương,
 Mới thấy người sinh đẻ,
 Có người vui được con,
 Có người buồn làm mẹ.
 Lắm bà sinh con ra,
 Miệng nở nụ cười hoa!
 Quả cáp bao cam sữa,
 Thăm nom bao người nhà.
 Lắm bà sinh con ra,
 Ôm con, lòng xót xa,
 Ủ con, không mảnh lót,
 Thăm con, không người cha.
 Cảnh ấy cũng còn khá,
 Bao cảnh còn cực nữa:
 Con dỏ mang đi cho,
 Mẹ vàng tìm ở vú!
 Ôi! Cái đời ở vú,
 Thân người, kiếp bò sữa!
 Vắt ruột nuôi con người,
 Con mình đem bỏ chợ!!

Cảnh đời bao đau lòng,
 Nỗi đời buồn mệnh mông...
 Sinh con là việc mừng,
 Mà lắm người không mong!!
 (1957)



Yêu trúc

Ai quý loài hoa đẹp,
 Ta yêu cây trúc thanh.
 Từng khóm sống đoàn kết,
 Bốn mùa xanh hoà bình.
 Trảng giãi lung linh bóng,
 Gió đưa rạt rào tình.
 Cổ hương, ai muốn hỏi?
 — Việt-nam làng quê xanh!
 (1957)



Xóm thu điều sáo

Xóm chiều ai thả chiếc điều xinh?
 Vun vút... điều lên... thân nhẹ tênh!
 Cánh giấy tung trời, con bướm trắng,
 Ngàn cây lộng gió, sắc thu xanh.
 Không gian sáo vắng, du dương nhạc,
 Trần thế dây buông, vẫn vút tình.
 Ờ, ví như điều, thơ thả được,
 Tiếng thơ chắc cũng vắng thiên-dinh!
 (1958)



Hoa xuân

... Dừng vội than van trái đất già,
Kính gần hãy ngắm núi sông xa...
Có xuân đâu phải riêng nhờ én ?
Còn Tết ai mà dám phụ hoa !
Tám côi thơm bay... từ nẻo ấy,
Muôn màu trè lại cả năm qua !
Lúc này lan, cúc, hoa đua nở,
Yêu nhất nhành mai, ta nhủ ta-

(1959)



Ra khơi

Sân lá Thuyền Thơ thả cái chơi,
Cũng buồm, cũng lái, phóng ra khơi !
Sóng đời muôn đợt, rung hồn nước,
Gió thời từng cơn, họa tiếng người.
Ghềnh đá như theo... ghềnh cát chạy,
Bóng vầng cùng lộn bóng mây trôi.
Phù sinh tạm lấy đây làm thú,
Xứ sở Thần Thơ biết hỏi ai ?

(1960)



Thông cảm

Dáng lẽ là thơ không họa anh,
Họa anh, cho vội nỗi thương mình.
Văn chương trở mãi... hàm râu bạc,
Non nước xây hoài giấc mộng xanh !
Cửa kính hiên tây lòa bóng ác,
Ngàn cây chiều tối ngất mây thành.
Trăm trâm ngâm lại câu thơ bạn,
Mưa rỏ lâu hoa giọt thủy tinh.

(1961)



Hương

Đốt một lò hương thoang thoang trông...
Mùi hương ngào ngạt, khói qua song...
Rồng bay nẻo ấy, làn mây cuộn ?
Hoa nở nơi nao, ngọn gió lồng ?
Nguồn hứng muôn tầng dâng thượng-giới,
Tơ tình một mối nổi thanh-không.
Thi đàn giờ vọng người kim côi,
Ai chắc cùng ai chung cảm thông...!

(1962)



Cuốc kêu

Vua Thục ngày xưa thác hóa chim,
Chim kêu ra rả suốt ngày đêm...
Bầy lâu nước mắt, hồn chưa chết,
Bốn côi người nghe, ruột những méo !
Lữ xá đèn giòng, mi ứa lệ,
Chiến trường gươm tuốt, máu sôi tim.
Đêm qua, cuộc gọi bao xao xuyến,
Cơn gió hè lên, bóng nguyệt chìm...!

(1963)



Xuân đi

Trời đem xuân đến, lại đem đi,
Người tiễn xuân đi, đứng trước hè,
Ngơ ngác tìm hương, vầng cánh bướm,
Thần thờ giải nắng, trắng hoa lê.
Câu thơ hàn-thực quen mồm đọc,
Tiếng súng sa-trường nào ruột nghe.
Nhấp chén bồ-đào, hỏi thanh-đế :
Phóng bao lâu nữa lại xuân về ?

Tháng 3 Giáp-thìn (1964)



60 tuổi tự đề

Lên bay vùn vụt... thẳng ngay trời...
Bấm đốt, niên hoa sáu chục rồi.
Đất nước chia đôi, trang sử dọc,
Mái đầu bạc nửa, bóng gương soi.
Dành cho xã hội con mười đứa;
Góp với thi lâm bút một ngòi.
Thời thế nhường này, thân thế ấy,
Vui ? buồn ? nhấp chén, hơi hoa mai.

Xuân Ất.tý (1965)

